|  |  |
| --- | --- |
| Tỉnh/thành phố: …........................Quận/huyện/thị xã:……................Xã/phường /thị trấn: ……............. | **Mẫu số 01** |

**THÔNG TIN VỀ CUNG LAO ĐỘNG***(Thu thập thông tin người từ 15 tuổi trở lên đang thực tế thường trú tại địa bàn)*

**1. Họ, chữ đệm và tên khai sinh**: ……………..

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Ngày, tháng, năm sinh**: |  |  | **-** |  |  | **-** |  |  |  |  |  | ***3.* Giới tính**: □ Nam □ Nữ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4. Số CCCD/CMND***(1)*: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**5. Nơi đăng ký thường trú***(2)*: .............................................................................................

...............................................................................................................................................

**6. Nơi ở hiện tại***(3)* *(Chỉ thu thập nếu khác nơi đăng ký thường trú):*...................................

...............................................................................................................................................

**7. Đối tượng ưu tiên**(nếu có): □ Người khuyết tật □ Thuộc hộ nghèo, cận nghèo

□ Dân tộc thiểu số (ghi tên dân tộc):..............................................................................

**8. Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất đã tốt nghiệp/đạt được**:

□ Chưa học xong Tiểu học □ Tốt nghiệp Tiểu học □ Tốt nghiệp THCS □ Tốt nghiệp THPT

**9. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được**:

□ Chưa qua đào tạo □ CNKT không có bằng □ Chứng chỉ nghề dưới 3 tháng

□ Sơ cấp □ Trung cấp □ Cao đẳng □ Đại học □ Trên đại học

**9.1. Chuyên ngành đào tạo***(4)*: ..........................................................................................

**10. Tình trạng tham gia hoạt động kinh tế:**

□ Người có việc làm*(5)* → Chuyển câu 11

□ Người thất nghiệp*(6)* → Chuyển câu 12

□ Không tham gia hoạt động kinh tế, lý do: □ Đi học □ Hưu trí □ Nội trợ □ Khuyết tật □ Khác

**11. Người có việc làm**:

11.1. Vị thế việc làm: □Chủ cơ sở SXKD □Tự làm □Lao động gia đình □Làm công ăn lương

11.2. Công việc cụ thể đang làm*(7)*:................................................................................

11.3. Nơi làm việc*(8)*:.....................................................................................................

**12. Người thất nghiệp**: □ Chưa bao giờ làm việc □ Đã từng làm việc

12.1. Thời gian thất nghiệp: □ Dưới 3 tháng □ Từ 3 tháng đến 1 năm □ Trên 1 năm

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ngày.... tháng... .năm.....**Người cung cấp thông tin**(Ký, ghi rõ họ tên) |

**Ghi chú**:

- (1) Ghi số CCCD, trường hợp chưa có số CCCD thì ghi số CMND; (2), (3)Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, xóm, làng; thôn, ấp, bản, buôn, phum, sóc; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;

- (4) Ghi chi tiết tên gọi mã cấp III của giáo dục, đào tạo.

- (5) Người có việc làm là người có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình;

(6) Người thất nghiệp là người đang không có việc làm, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc;

(7) Ghi cụ thể tên công việc chiếm nhiều thời gian nhất và tạo ra thu nhập chính;

(8)Ghi tên, loại hình và địa chỉ cụ thể nơi đang làm việc.

- STT 3, 7, 8, 9, 10, 11.1, 12: Đánh dấu X vào □ tương ứng với nội dung trả lời.